



HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở TRUNG QUỐC

• **ThS. MAI QUANG HUY**
Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới, với dân số trên 1,3 tỉ người. Trong đó số trong độ tuổi lao động là 980 triệu người, và số đang lao động là 737 triệu người. Từ những thập kỷ cuối thế kỷ 20, lực lượng lao động Trung Quốc có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Nếu năm 1979, tỉ lệ lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ là: 70,7%, 17,6% và 11,7% thì năm 2002, các tỉ lệ đó lần lượt là: 50%, 21% và 29%.

Tuy là một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng Trung Quốc chịu sức ép lớn về nhu cầu việc làm. Mỗi năm Trung Quốc có khoảng 8 triệu lao động mới bổ sung vào lực lượng lao động, 4 triệu công nhân mất việc, 7 - 8 triệu lao động thành thị thất nghiệp và 150 triệu lao động nông thôn thiếu việc làm. Vì vậy, Trung Quốc rất quan tâm tới việc giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cho những người thành niên.

Luật Giáo dục nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa có hiệu lực từ tháng 9 năm 1995 quy định: "Nhà nước thực hiện chế độ GDNN cho người đã thành niên. Chính quyền các cấp, các ngành quản lý hữu quan và tổ chức xí nghiệp, sự nghiệp phải áp dụng biện pháp phát triển và bảo đảm cho công dân được đi học ở trường dạy nghề hoặc dự các hình thức đào tạo nghề nghiệp. Nhà nước khuyến khích phát triển mọi hình thức giáo dục cho người đã thành niên, làm cho công dân được học tập về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và học tập suốt đời bằng những hình thức thích hợp".

Nhằm phục vụ cho công cuộc hiện đại hóa đất nước, trong "Kế hoạch giáo dục 5 năm lần thứ 9 và triển vọng đến năm 2010 của Trung Quốc", Ủy ban Giáo dục Quốc gia Trung Quốc đã đề ra những mục tiêu: xem xét lại chương trình giáo dục; tăng cường nội dung giáo dục có sử dụng các thành quả của sự phát triển văn hóa và khoa học hiện đại; tăng cường rèn luyện những kiến thức cơ bản, lí thuyết và kĩ năng cơ sở; cải thiện chế độ tuyển

sinh. Đối với giáo dục phổ thông, những vấn đề trọng điểm là dạy nghề ở giai đoạn trung học, và phát triển các trường ngoài công lập. Ở Trung Quốc, theo quy định, các trường công lập tùy theo điều kiện có thể thu nhận sự trợ giúp từ nhân dân, và các trường tư thục có thể nhận kinh phí từ nhà nước. Trung Quốc cũng mở rộng đào tạo và giáo dục thường xuyên, đẩy mạnh giáo dục không chính quy, liên kết giáo dục phổ thông và GDNN ở các bậc học, hình thành hệ thống giáo dục hiện đại với đặc trưng là giáo dục suốt đời.

Hệ thống giáo dục của Trung Quốc gồm: Giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Giáo dục tiểu học cho trẻ em từ 6 đến 11 tuổi. Các trường tiểu học thường do chính quyền địa phương quản lí và được miễn phí, bên cạnh đó cũng có một số trường tư thục. Giáo dục trung học cho học sinh từ 11 đến 17 tuổi. Các trường trung học bao gồm sơ trung và cao trung kéo dài 6 năm. Trung học cao trung có trung học phổ thông (THPT), trung học chuyên nghiệp (THCN), trung học nghề (THN) và công nhân kĩ thuật (CNKT), cơ cấu này tương tự trung học cao trung của nước ta theo quy định tại Nghị định 90/CP. Từ năm 1980, số học sinh THPT giảm 2% mỗi năm do nhiều trường thuộc loại hình này chuyển sang THN. 50% học sinh trung học cao trung hiện nay học tại các trường THPT, và 50% học tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. Giáo dục đại học được tiến hành tại các trường đại học, cao đẳng, các học viện và các trường cao đẳng nghề. Trung Quốc hiện có 1156 trường đại học và 1054 trường cao đẳng với tổng số hơn 7 triệu sinh viên.

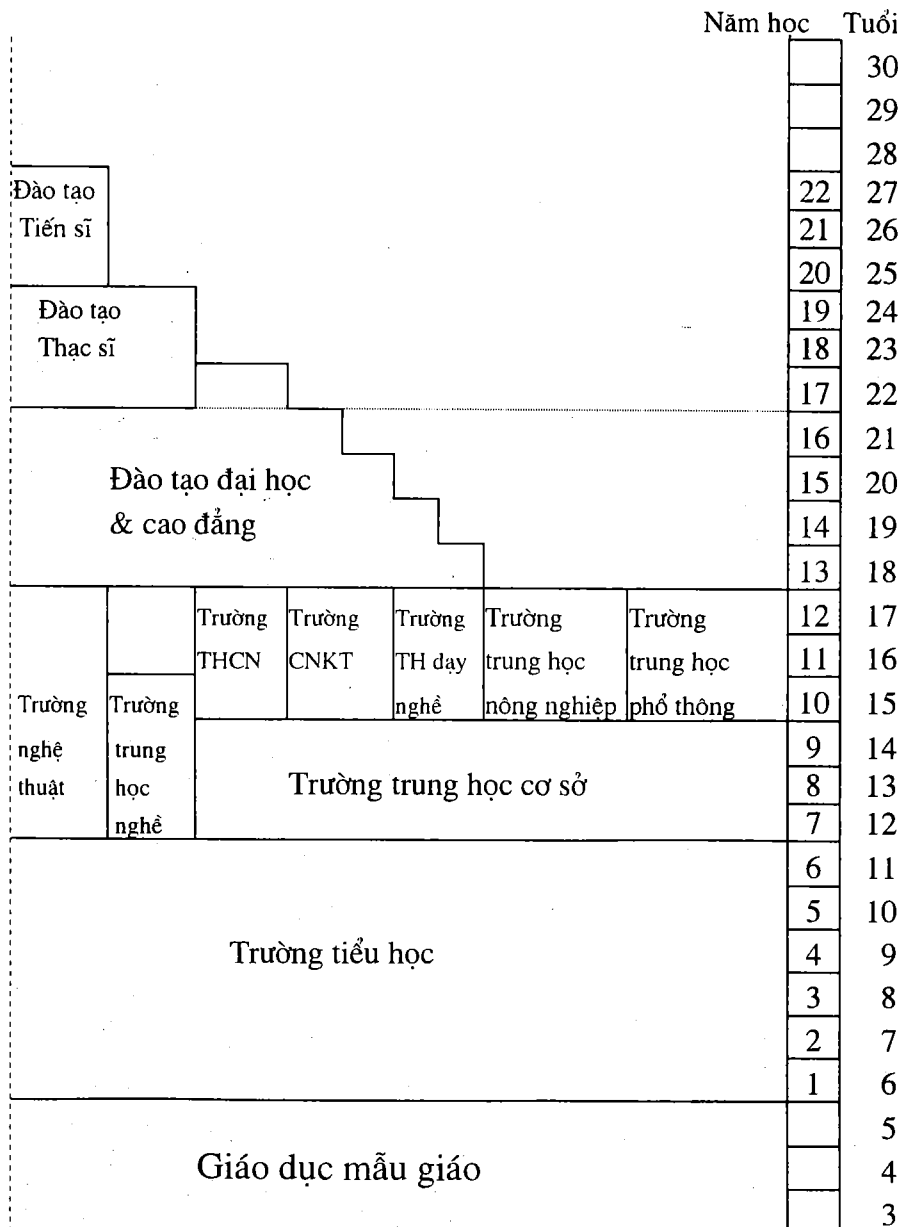
Bên cạnh mảng GDNN được tiến hành ở bậc trung học cao trung của hệ thống giáo dục quốc dân, cơ quan nhà nước về lao động, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp nhà nước cũng cung cấp một số loại hình đào tạo nghề. Các trung tâm đào tạo việc làm do các sở lao động địa phương quản lí cung cấp các khóa dạy nghề ngắn hạn (dưới 6 tháng) cho lớp trẻ và những lao động dôi dư. Năm 1993, các trung tâm này đã tuyển sinh

được 3 triệu người, trong đó 75% là đào tạo nghề lần đầu. Hầu hết các doanh nghiệp lớn và một số doanh nghiệp vừa cũng tổ chức các trung tâm đào tạo việc làm để giải quyết nhu cầu nhân lực của chính họ. Các trung tâm đào tạo việc làm hoạt động theo các quy chế do các bộ ngành chủ quản doanh nghiệp quy định.

Về quản lý, Ủy ban Giáo dục Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo đối với các trường THCN, THN, và trách nhiệm phối hợp đối với các trường CNKT.

Bộ Lao động có trách nhiệm chỉ đạo đối với các trường CNKT. Các bộ ngành trung ương, các doanh nghiệp nhà nước, và các cơ quan giáo dục tỉnh thành, địa phương quản lý các trường THCN và các trường đào tạo giáo viên; các bộ, ngành trung ương, cơ quan lao động địa phương và các doanh nghiệp quản lý các trường CNKT. Cơ quan giáo dục địa phương quản lý các trường THN.

Từ 1980, tuyển sinh vào các trường THCN và CNKT tăng hàng năm trung bình khoảng 10%, và



Hình 1: Hệ thống giáo dục Trung Quốc (Nguồn: Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức)

THN là 17%. Trình độ đầu vào các trường THN được nâng lên; những trường này ban đầu tuyển những người tốt nghiệp tiểu học, và từ năm 1979 tuyển những người tốt nghiệp trung học sơ trung. Số học sinh tốt nghiệp THPT vào học các trường THCN giảm từ 30% năm 1990 xuống còn 20% vào năm 1994. Từ 1985, các trường THCN và THN được khuyến khích mở rộng tuyển sinh tại chức và ngắn hạn cho công nhân để cập nhật kỹ năng hoặc đào tạo lại. Khoảng 50 triệu người lớn - bên ngoài tổng số 60 triệu đang tham gia GDNN - được tuyển vào các trường học này trong năm 1994, trong đó 95% trong các trường đào tạo về kỹ thuật.

Trung Quốc là nước rất nhanh nhạy trong việc theo kịp xu hướng phát triển giáo dục trên toàn

thế giới. Đáp ứng nhu cầu nhân lực, trong các thập kỷ gần đây, Trung Quốc đã đưa ra một số biện pháp trong việc cải cách hệ thống GDNN, đó là:

- Chuyển vai trò của chính phủ từ việc trực tiếp cung cấp GDNN và điều khiển hệ thống sang việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như là việc thiết lập khuôn khổ pháp lý và thiết lập cơ sở hạ tầng cho hệ thống đào tạo quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả của các cơ sở đào tạo công lập bằng cách phi tập trung hóa quản lý và tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở này.

- Khuyến khích sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo nghề với các ngành kỹ nghệ. Nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo.

- Đa dạng hóa nguồn cung cấp GDNN bằng cách khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp trong việc cung cấp đào tạo nghề và giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong đào tạo nghề.

- Hình thành cơ chế "thị trường hướng dẫn đào tạo và đào tạo hướng dẫn việc làm". Các cơ sở đào tạo phát triển các kỹ năng làm việc cơ bản như giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc trong nhóm... giúp người học có được các kỹ năng cơ bản để duy trì khả năng làm việc và có thể thích ứng được với những thay đổi trong quá trình sản xuất.

- Chính phủ đã đưa ra chiến lược làm cho tầm quan trọng của các chứng chỉ nghề nghiệp với văn bằng phổ thông tương đương và đưa ra hệ thống chứng chỉ kép. Cải thiện địa vị xã hội của giáo dục nghề nghiệp bằng nhiều biện pháp thích hợp bằng việc tác động vào một môi trường xã hội thông qua việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các cuộc thi kỹ năng, tôn vinh và khen thưởng những tài năng nghề nghiệp.

Trung Quốc cũng thực hiện hệ thống văn bằng nghề nghiệp quốc gia (NVQs) gồm 5 bậc là: công nhân sơ cấp, công nhân trung cấp, công nhân bậc cao, kỹ thuật viên và kỹ thuật viên bậc cao.

Một số nghiên cứu gần đây đã đánh giá cao những cải cách giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc. Thành công của những cải cách này đã đóng góp tích cực cho việc cung cấp nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao trong quá trình hội nhập.

Về cơ bản, cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc có nhiều điểm giống hệ thống giáo dục nghề nghiệp nước ta. Một số thành công của Trung Quốc đáng để chúng ta lưu tâm trong

quá trình đổi mới GDNN hiện nay là:

- Tăng cường việc dạy nghề trong giáo dục trung học phổ thông. Trung Quốc hiện có 50% học sinh trong bậc học này học trong ngành nghề nghiệp trong khi đó hầu hết học sinh của ta học trung học phổ thông.

- Đa dạng hóa giáo dục trung học. Nếu trước cải cách, GDNN của Trung Quốc chỉ có THCN và đào tạo CNKT thì hiện nay bậc học này còn có THN, trung học nông nghiệp ở nông thôn và trung học kỹ thuật ở các thành phố. Điều này tạo cho học sinh có cơ hội lựa chọn hướng đi tiếp tục theo khả năng. Việt Nam cũng đã có nhiều mô hình được đưa vào hệ thống như trung học nghề, trung học kỹ thuật nhưng đáng tiếc là chúng ta chưa quyết tâm duy trì và phát triển các loại hình trường này.

- Một trong những thành công của Trung Quốc được thế giới đánh giá cao là mở rộng giáo dục và đào tạo nghề tư thực và dân lập, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào GDNN. Kinh nghiệm này của Trung Quốc cũng như của nhiều nước khác cho thấy cần tăng cường xã hội hóa trong GDNN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo và Văn phòng Quốc hội. *Hệ thống giáo dục một số nước trên thế giới*. Hà Nội, 2005.
2. Mai Quang Huy. *Định hướng giáo dục trường học ở các nước châu Á - Thái Bình Dương thế kỷ 21*. Tạp chí Đại học & Giáo dục chuyên nghiệp. Số 4 - 2000.
3. Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức, *Hệ thống giáo dục hiện đại những năm đầu thế kỷ XXI* (Việt Nam và thế giới). NXB Giáo dục. Hà Nội, 2003.
4. Dai Xiaochu. Reform of TVET System in China in Response to the Changing Economy. Report at APEC Forum on Human Resource Development. Chiba - Japan, 2004.
5. Gill I.S., et all, Vocational Education and Training Reform: Matching Skills to Markets and Budgets. A Joint Study of WORLD BANK and ILO, 1998.

SUMMARY

The article presents the Chinese system of vocational training and some measures recently taken by China to reform vocational education.